

H



CK.0000064654

Ệ DÂN GIAN VIỆT NAM

DƯƠNG SÁCH - DƯƠNG THỊ ĐÀO

(Nghiên cứu, sưu tầm)

**NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN TRONG  
LỆ LÀNG TRUYỀN THỐNG  
CỦA NGƯỜI TÀY CAO BẰNG**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

**NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN TRONG  
LỆ LÀNG TRUYỀN THỐNG  
CỦA NGƯỜI TÀY CAO BẰNG**

**HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM .**

**Dương Sách - Dương Thị Đào**

**(Nghiên cứu sưu tầm)**

**NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN TRONG  
LỆ LÀNG TRUYỀN THỐNG  
CỦA NGƯỜI TÀY CAO BẰNG**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN**

**DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN  
TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIAN  
VIỆT NAM**

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu - Bách Khoa - Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3627 6439; Fax: (04) 3627 6440  
Email: duandangian@gmail.com)

**BAN CHỈ ĐẠO**

- |                               |                       |
|-------------------------------|-----------------------|
| 1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH    | <i>Trưởng ban</i>     |
| 2. ThS. HUỖNH VĨNH ÁI         | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 3. GS.TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH    | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 4. TS. TRẦN HỮU SƠN           | <i>Ủy viên</i>        |
| 5. Ông NGUYỄN KIÊM            | <i>Ủy viên</i>        |
| 6. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG       | <i>Ủy viên</i>        |
| 7. ThS. VŨ CÔNG HỘI           | <i>Ủy viên</i>        |
| 8. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG | <i>Ủy viên</i>        |
| 9. ThS. ĐOÀN THANH NÔ         | <i>Ủy viên</i>        |
| 10. Ông TRƯƠNG THANH HÙNG     | <i>Ủy viên</i>        |

**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN**

**ThS. ĐOÀN THANH NÔ**

*Chịu trách nhiệm-nội dung:*

**GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH**

*Thẩm định nội dung:*

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BẢN THẢO**

## LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là **“Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa – văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam”**. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa – văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ

thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn hóa – văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng. Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau gần 50 năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với trên 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến 5000 công trình, hiện đang được lưu giữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Dự án “**Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam**” đã được phê duyệt. Trong giai đoạn I (2008 - 2012), Dự án đã xuất bản 1.000 công trình, tác phẩm văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc; Giai đoạn II (2013 - 2017) Dự án sẽ tiếp tục công bố thêm 1.500 công trình nữa.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền “văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn!

**Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Dự án**  
**GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh**



## PHẦN THỨ NHẤT

# NHỮNG NHẬN XÉT CHUNG VỀ LỆ LÀNG

## 1. KHÁI NIỆM

### 1.1 Khái niệm về làng

Làng (tiếng Tày Nùng gọi là bản hay bản dẻ). Làng bản là đơn vị của cộng đồng người. Theo truyền thuyết: Báo Luông Sao Cãi, là thủy tổ con người ở vùng Cao Bằng, mà xưa kia trên vùng đất này chỉ có một cặp trai gái, nghĩa là cặp vợ chồng, người cao to, che thân bằng lá cây, vô cây rừng, sống trong hang núi gọi là Ngườm Bốc (Nay thuộc xã Hồng Việt), Con người thời ấy chỉ biết hái quả, bắt thú rừng về ăn sống nuốt tươi... Về sau họ sinh con đẻ cái, biết làm nhà để ở. Dần dần nhà đông con, nhiều cháu quá phải tách ra thành nhiều nhà để ở riêng, nhưng vẫn sống gần nhau tạo thành bản hay bản dẻ, con cháu tiếp tục phát triển, phải khai khẩn nhiều đất cấy trồng, chăn nuôi, đòi hỏi phải có nhiều chỗ ở, tạo thành nhiều làng xã như làng Nà Mò, làng Bản Vạn, làng Nà Bư là những làng của họ Bế. Làng Tả lạn, làng Khau Còi là làng của họ Hà, họ Phạm v.v...  
Mấy làng kể trên nay thuộc xã Bế Triều huyện Hoà An tỉnh



Cao Bằng. Đi sâu vào các bản người Tày ta thấy: Trong một làng hay nhiều nhà sống gần nhau thường chỉ có một dòng họ hay hai ba dòng họ cùng chung sống. Vậy ta có thể khẳng định: Xưa kia có thể làng chỉ một họ, về sau sinh con, đẻ cái, lại kết hôn vợ chồng với người họ khác, nên làng lại có thêm họ thông gia. Cũng có thể, do kết tồng, nhận anh em mà làng lại thêm nhà họ khác nhau, dẫn tới một làng có nhiều họ là vậy. Con người ngày một phát triển, người đông dần, sống thành nhiều làng trong cùng một dải đất, họp lại, liên kết với nhau tạo thành xã hay còn gọi là Làng Xã, nhưng đó vẫn là đơn vị của cộng đồng người. Vậy gia đình cũng là đơn vị cộng đồng người ở cấp cơ sở, Còn sau này cộng đồng người ở quy mô làng xã có bộ máy xã hội trông coi thì được gọi là đơn vị hành chính.

Dân tộc Việt Nam trải qua 4.000 năm lịch sử, chịu 1.000 năm Bắc thuộc, 100 năm nô lệ bọn đế quốc, chúng thực hiện âm mưu đồng hoá, chia rẽ, đồn làng, di dân để thống trị. Nhưng dân tộc ta với lòng yêu nước, thương nòi nồng nàn, một lòng đoàn kết đấu tranh, gìn giữ bản làng, trong đó có người Tày và bản người Tày Cao Bằng, nay vẫn nguyên vẹn, vui vẻ phấn khởi cùng nhau xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ấm no hạnh phúc...

## **1.2 Khái niệm về lệ làng**

Lệ làng là những hành vi, cử chỉ, việc làm của con người, được nảy nở, xây dựng trong lao động sản xuất, được nhiều người phát hiện và công nhận việc làm hay, nghĩa cử cao

đẹp, làm vừa lòng cộng đồng, được cộng đồng quý mến, tôn trọng, rồi được bổ sung tiếp, phổ biến rộng rãi trong cộng đồng. Những hành vi ấy luôn được cộng đồng chấp nhận, học tập và làm theo liên tục, về sau trở thành thói quen, rồi được lưu truyền từ đời này qua đời khác trở thành phong tục tập quán.

Trong cuộc sống lao động sản xuất của cộng đồng người, ngoài nghĩa cử cao đẹp, đồng thời nảy nở không ít hành vi xấu, việc làm trái lại với ý muốn, nguyện vọng của cộng đồng, làm tổn hại đến danh dự, cuộc sống và việc làm của nhiều người, làm cho cộng đồng phản đối và không thừa nhận, được coi là những điều cấm kị hay hạn chế v.v...

Để những thói quen ấy có tác dụng trong đời sống tập thể, kể cả những điều hay và điều dở, con người đã nâng cao chúng lên thành các điều khoản mang tính cố định, chuẩn mực cho mọi người thực hiện, và được mọi người gọi với tên: lệ làng.

Vậy những điều quy định trong gia đình, họ tộc, phép tắc cư xử của con người trong một bản với nhau cũng được coi là lệ làng, vì gia đình, bản là những đơn vị cộng đồng người.

Về sau này cộng đồng người tổ chức ra phe, giáp, phường, hội cũng chỉ là đơn vị cộng đồng, mọi điều khoản được quy định, những quy tắc đề ra đều được coi là lệ làng nói chung. Khi đã có lệ làng thì mọi người đều phải tuân theo, cá nhân hay nhóm cá thể nào thực hiện tốt được cộng đồng tuyên dương, khen thưởng, ngược lại ai làm trái các